

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐIỆN BIÊN****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 11/2009/QĐ-UBND

*Điện Biên Phủ, ngày 7 tháng 8 năm 2009***QUYẾT ĐỊNH****Về việc ban hành Quy định về quản lý đầu tư Chương trình Phát triển KT - XH
các xã đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc và miền núi giai đoạn 2006 -
2010 (Chương trình 135 giai đoạn II)****ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN**

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND-UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Quyết định số: 07/2006/QĐ-TTg ngày 10 tháng 01 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ, về việc phê duyệt Chương trình Phát triển kinh tế - xã hội các xã đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc và miền núi giai đoạn 2006 - 2010 (Chương trình 135 giai đoạn II);

Thông tư Liên tịch số: 01/2008/TTLT-UBND-KHĐT-TC-XD-NNPTNT ngày 15/9/2008 của liên bộ: Ủy ban Dân tộc, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Bộ Xây dựng, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện Chương trình Phát triển kinh tế - xã hội các xã đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc và miền núi giai đoạn 2006 - 2010;

Căn cứ Nghị quyết số: 166/2009/NQ-HĐND ngày 14/7/2009 của Hội đồng nhân dân tỉnh Điện Biên khóa XII, kỳ họp thứ 16 về việc thông qua Quy định về quản lý đầu tư Chương trình Phát triển kinh tế - xã hội các xã đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc và miền núi giai đoạn 2006 - 2010 (Chương trình 135 giai đoạn II) trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

Theo đề nghị của Ban Chỉ đạo Chương trình 135 giai đoạn II tỉnh Điện Biên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này quy định về quản lý đầu tư Chương trình Phát triển kinh tế - xã hội các xã đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc và miền núi giai đoạn 2006 - 2010 (Chương trình 135 giai đoạn II) trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 181/QĐ-UBND ngày 19/02/2009 của UBND tỉnh về việc ban hành tạm thời Quy định về quản lý đầu tư Chương trình Phát triển KT - XH các xã đặc biệt khó

khăn vùng đồng bào dân tộc và miền núi giai đoạn 2006 - 2010 (Chương trình 135 giai đoạn II).

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, thành viên Ban Chỉ đạo Chương trình 135 giai đoạn II của tỉnh; Giám đốc các Sở, Ban, ngành liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Hoàng Văn Nhân

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐIỆN BIÊN****CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc****QUY ĐỊNH****Quản lý đầu tư chương trình phát triển kinh tế - xã hội các xã đặc biệt
khó khăn vùng đồng bào dân tộc và miền núi giai đoạn 2006 - 2010
(Chương trình 135 giai đoạn II) trên địa bàn tỉnh Điện Biên.**

*(Kèm theo Quyết định số: 11/2009/QĐ-UBND ngày 7/8/2009
của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên)*

Chương I**QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Đối tượng áp dụng**

1. Các xã được phê duyệt tại các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt danh sách xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu vào diện đầu tư Chương trình Phát triển kinh tế - xã hội các xã đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc và miền núi giai đoạn 2006 - 2010 (Chương trình 135 giai đoạn II).

2. Các thôn, bản đặc biệt khó khăn (ĐBK) ở các xã khu vực II được phê duyệt tại các Quyết định phê duyệt danh sách các thôn bản ĐBK ở xã khu vực II vào diện đầu tư Chương trình 135 giai đoạn II của Ủy ban Dân tộc.

Điều 2. Phạm vi áp dụng

Quy định này áp dụng cho dự án Hỗ trợ phát triển sản xuất; dự án Phát triển cơ sở hạ tầng thiết yếu; dự án Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực cán bộ xã, thôn bản và cộng đồng; chính sách Hỗ trợ các dịch vụ cải thiện và nâng cao đời sống nhân dân, trợ giúp pháp lý nâng cao nhận thức pháp luật.

Chương II**THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN VÀ CHÍNH SÁCH****Mục 1
DỰ ÁN HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT****Điều 3. Đối tượng**

- Hộ nghèo theo quy định hiện hành;

- Nhóm hộ: gồm những hộ nghèo và những hộ không phải hộ nghèo đang sinh sống trên cùng địa bàn cụm dân cư thôn, bản; có uy tín, có kinh nghiệm sản xuất; có cùng nguyện vọng phát triển một hoạt động sản xuất; có cam kết thực hiện kế hoạch sản xuất đã được xác định của từng thành viên trong nhóm; có khả năng lôi cuốn, giúp đỡ hộ nghèo trong nhóm vươn lên thoát nghèo. Nhóm hộ có 1 nhóm trưởng do các thành viên trong nhóm bầu ra để quản lý điều hành các hoạt động của nhóm.

Số lượng hộ không phải hộ nghèo trong nhóm không quá 20% tổng số hộ của nhóm và do UBND xã quyết định trên cơ sở ý kiến của đa số hộ nghèo trong nhóm.

Hộ, nhóm hộ được lựa chọn công khai, dân chủ từ thôn bản trên cơ sở những hộ nghèo hơn được ưu tiên hỗ trợ trước. Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã lập danh sách hộ, nhóm hộ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt.

Điều 4. Nội dung hỗ trợ đầu tư

Căn cứ vào điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương, các nguồn tài nguyên thiên nhiên, ngành nghề truyền thống, nguồn lực lao động, hạ tầng cơ sở, nhu cầu

thị trường, định hướng phát triển kinh tế nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản và nhu cầu của người dân... Ủy ban nhân dân xã hướng dẫn người dân lựa chọn các nội dung hỗ trợ phù hợp nhằm đa dạng hoá và tăng thu nhập cho người dân; không nhất thiết phải thực hiện tất cả các nội dung ở cùng một địa bàn để tập trung nguồn vốn, tránh dàn trải.

1. Hỗ trợ các hoạt động khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư, khuyến công giúp người nghèo tiếp cận các dịch vụ và kiến thức khoa học kỹ thuật vào sản xuất, nâng cao nhận thức và vận dụng vào kế hoạch sản xuất của hộ, nhóm hộ đã được xác định để phát triển sản xuất trên địa bàn.

- Tuyên truyền các tiến bộ khoa học kỹ thuật, thông tin thị trường, giá cả; bồi dưỡng, tập huấn cho nhân dân nắm vững quy trình sản xuất, kỹ thuật, kinh nghiệm và ứng dụng cụ thể vào thực tiễn; hướng dẫn phát triển kinh tế hộ, cách tiếp cận thị trường, phát triển nghề truyền thống; hướng dẫn quy trình chế biến, bảo quản sản phẩm sau thu hoạch.

2. Hỗ trợ xây dựng và phổ biến nhân rộng mô hình sản xuất mới.

- Mô hình chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất: trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, chế biến nông, lâm, thủy sản;

- Mô hình sản xuất gắn với chế biến, bảo quản và tiêu thụ sản phẩm nông, lâm, thủy sản;

- Mô hình chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở xã.

3. Hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi, vật tư sản xuất (áp dụng với các hộ nghèo).

- Giống vật nuôi; giống thủy sản; giống cây trồng các loại, có năng suất, chất lượng phù hợp với điều kiện của địa phương;

- Thuốc thú y, thuốc bảo vệ thực vật.

4. Hỗ trợ mua sắm trang thiết bị máy móc, công cụ sản xuất và chế biến, bảo quản sản phẩm sau thu hoạch.

Căn cứ vào định hướng phát triển kinh tế nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản và nhu cầu của người dân, các địa phương lựa chọn nội dung hỗ trợ đầu tư cho phù hợp, thiết thực có định hướng tới thị trường, có tính bền vững về thu nhập và an ninh lương thực; không nhất thiết phải thực hiện tất cả các nội dung ở cùng một địa bàn để tập trung nguồn vốn, tránh dàn trải.

Điều 5. Quy trình lập, thẩm định, phê duyệt kế hoạch đầu tư sản xuất

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với Ban Dân tộc, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính và các đơn vị liên quan xây dựng hướng dẫn các nội dung đầu tư, hỗ trợ cho phù hợp với điều kiện thực tế và mức hỗ trợ cụ thể cho từng nội dung, đối tượng thụ hưởng trình UBND tỉnh quyết định; hướng dẫn các huyện xây dựng kế hoạch hàng năm và dài hạn phù hợp với định hướng phát triển sản xuất trên địa bàn của tỉnh.

2. Ban Quản lý dự án Chương trình 135 hoặc phòng chuyên môn cấp huyện phối hợp với Trưởng thôn, bản tổ chức họp dân (họp thôn bản hoặc liên thôn bản) thông báo nội dung, đối tượng thụ hưởng, mức vốn hỗ trợ cho thôn bản (hoặc liên thôn bản) của Chương trình 135 giai đoạn II; lồng ghép với các nguồn vốn khác để tổ chức thực hiện trên địa bàn.

Ban Quản lý dự án, trưởng thôn bản có trách nhiệm cùng hộ và nhóm hộ tổ chức họp, thảo luận, bàn bạc và xác định nội dung cần hỗ trợ đầu tư để các hộ lựa chọn hướng sản xuất phù hợp điều kiện thực tế của địa phương.

3. Chủ đầu tư: xây dựng kế hoạch thực hiện và dự toán chi tiết kèm theo của xã đã được xác định và kế hoạch cả giai đoạn 2006 - 2010 trình UBND huyện phê duyệt.

4. UBND huyện, thị xã, thành phố (gọi tắt là UBND huyện): tổng hợp kế hoạch hàng năm, kế hoạch của cả giai đoạn 2006 - 2010 của các xã, thẩm định, phê duyệt và báo cáo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ban Dân tộc, Sở Kế hoạch và Đầu tư để phối hợp, giám sát thực hiện.

Mục 2

DỰ ÁN PHÁT TRIỂN CƠ SỞ HẠ TẦNG THIẾT YẾU

Điều 6. Đối tượng công trình đầu tư:

1. Công trình đầu tư tại xã.

Bao gồm việc làm mới, sửa chữa, cải tạo nâng cấp các công trình trên địa bàn xã (kể cả sửa chữa, nâng cấp công trình cũ đầu tư bằng nguồn vốn khác):

a) Công trình giao thông từ xã đến thôn bản, liên thôn bản: không sử dụng nguồn vốn của Chương trình 135 để đầu tư đường ô tô đến trung tâm xã (đối với những xã chưa có đường ô tô đến trung tâm xã);

b) Công trình thủy lợi nhỏ phục vụ trong phạm vi xã hoặc liên thôn bản;

c) Công trình cấp nước sinh hoạt tập trung.

d) Công trình điện từ xã đến thôn bản: không sử dụng vốn của Chương trình 135 để đầu tư xây dựng công trình điện đến trung tâm xã (đối với những xã chưa có điện lưới quốc gia đến trung tâm xã);

e) Trường, lớp học tại trung tâm xã, đồng bộ cả điện, nước sinh hoạt, trang thiết bị bàn ghế học tập, công trình phục vụ cho học sinh bán trú, nhà ở giáo viên, công trình phụ; xây dựng lớp tiểu học, lớp mẫu giáo, nhà trẻ, nhà ở giáo viên, công trình phụ tại thôn bản nơi cần thiết;

f) Trạm y tế xã đồng bộ cả công trình phụ trợ điện, nước sinh hoạt, mua sắm trang thiết bị thiết yếu theo chuẩn hóa cơ sở y tế cấp xã;

g) Chợ: chỉ hỗ trợ đầu tư công trình nhà lồng chợ và san tạo mặt bằng ban đầu dưới 5.000m²;

h) Nhà sinh hoạt cộng đồng tại thôn bản ở nơi cần thiết.

2. Công trình đầu tư tại thôn bản thuộc xã khu vực II.

Bao gồm việc làm mới, sửa chữa, cải tạo nâng cấp các công trình trên địa bàn thôn bản (kể cả sửa chữa, nâng cấp công trình cũ đầu tư bằng nguồn vốn khác):

a) Công trình giao thông từ thôn, bản đến trung tâm xã;

b) Công trình thủy lợi nhỏ: cống, đập, trạm bơm, kênh mương và công trình trên kênh mương trong phạm vi thôn bản, công trình thủy lợi khác có mức vốn dưới 500 triệu đồng;

c) Công trình cấp nước sinh hoạt tập trung;

d) Công trình điện từ xã đến thôn bản;

e) Xây dựng lớp tiểu học, mẫu giáo, nhà trẻ, nhà ở giáo viên, cả trang bị bàn ghế, điện, nước sinh hoạt, công trình phụ;

f) Nhà sinh hoạt cộng đồng tại thôn bản nơi cần thiết.

3. Các công trình đầu tư từ nguồn vốn Chương trình 135 hoặc công trình khác trên địa bàn có sử dụng trên 50% vốn từ Chương trình 135 phải gắn biển ghi tên công trình thuộc Chương trình 135 và các thông tin cơ bản: đơn vị chủ đầu tư, đơn vị thi công, thời gian khởi công và hoàn thành.

Điều 7. Cấp quyết định đầu tư:

UBND huyện là cấp quyết định đầu tư tất cả các công trình hạ tầng thuộc Chương trình 135 trên địa bàn huyện.

Điều 8. Kế hoạch đầu tư:

1. Vào quý II hàng năm, trên cơ sở đối tượng được đầu tư quy định tại điều 6 và danh mục công trình trong quy hoạch xây dựng của xã, UBND xã thông báo và tổ chức lấy ý kiến tham gia của nhân dân nơi được đầu tư, ý kiến tham gia của các tổ chức đoàn thể xã hội để lựa chọn danh mục, quy mô công trình trong quy hoạch theo thứ tự ưu tiên đưa vào kế hoạch thực hiện năm sau, tổng hợp thông qua Hội đồng nhân dân xã để trình UBND huyện phê duyệt.

2. Căn cứ danh mục công trình được UBND huyện phê duyệt kế hoạch năm sau, chủ đầu tư tổ chức lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng kèm theo kế hoạch đấu thầu, trình Chủ tịch UBND huyện tổ chức thẩm định và phê duyệt.

Vốn lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật được bố trí trong kế hoạch năm từ nguồn vốn ngân sách đầu tư cho dự án thuộc Chương trình 135.

Điều 9. Lập, thẩm định, phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng công trình:

1. Dự án đầu tư cơ sở hạ tầng tại các xã, thôn bản bao gồm công trình quy mô nhỏ không phải lập dự án đầu tư, chỉ lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình và phải đầu tư hoàn thành dứt điểm không quá 2 năm. Nội dung báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình bao gồm: tên công trình, tên chủ đầu tư, địa điểm xây dựng, quy mô công trình, nguồn vốn, thời gian thi công, thời gian hoàn thành kèm theo thiết kế bản vẽ thi công, dự toán.

2. Báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình và kế hoạch đấu thầu do chủ đầu tư tự lập (nếu đủ năng lực) hoặc lựa chọn thuê tổ chức, đơn vị có đủ năng lực thực hiện. Chủ đầu tư trình phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện thẩm định trước khi trình UBND huyện phê duyệt.

Những công trình quy mô nhỏ, đơn giản trong phạm vi thôn bản: nhà văn hoá, lớp học (tiểu học, mẫu giáo); đường giao thông, kênh mương... có mức vốn dưới 300 triệu đồng thì báo cáo kinh tế - kỹ thuật do chủ đầu tư tự lập (nếu đủ năng lực) hoặc đề nghị UBND huyện chỉ định đơn vị phòng, ban của huyện có chức năng phù hợp tiến hành khảo sát lập báo cáo. Chủ đầu tư trình phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện thẩm định trước khi trình UBND huyện phê duyệt.

3. Quản lý chi phí đầu tư công trình cơ sở hạ tầng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 02/2008/TT-BXD ngày 02/01/2008 của Bộ Xây dựng hướng dẫn lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình cơ sở hạ tầng thuộc Chương trình Phát

triển kinh tế - xã hội các xã đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc và miền núi giai đoạn 2006 - 2010.

Điều 10. Lập, thẩm định, phê duyệt thiết kế, dự toán:

1. Chủ đầu tư tự tổ chức thẩm định và phê duyệt thiết kế, dự toán (nếu đủ năng lực) và chịu trách nhiệm về quyết định của mình. Trường hợp không đủ năng lực thực hiện thì thuê các tổ chức, cá nhân tư vấn có đủ điều kiện, năng lực để thẩm tra trước khi phê duyệt.

2. Đối với tất cả các công trình: hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công, dự toán phải được thẩm định, phê duyệt trước khi thi công.

Điều 11. Thực hiện đầu tư xây dựng công trình:

1. Lựa chọn nhà thầu xây dựng thực hiện như sau:

a) Tuỳ theo quy mô, tính chất gói thầu chủ đầu tư phải thông báo công khai về việc tổ chức đấu thầu, chỉ định thầu bằng 1 trong các phương tiện: Đài truyền hình, đài truyền thanh huyện trước ít nhất 15 ngày phát hành hồ sơ yêu cầu hoặc hồ sơ mời thầu (đối với các dự án phải thực hiện đấu thầu). Riêng công trình giao cho cộng đồng thi công chỉ cần niêm yết thông báo công khai tại trụ sở UBND xã, nhà văn hoá thôn bản, chợ, họp dân và thông tin trên trạm truyền thanh của xã.

b) Gói thầu về dịch vụ tư vấn xây dựng thực hiện theo Luật Đấu thầu và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

c) Gói thầu mua sắm hàng hoá thực hiện theo Luật Đấu thầu và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

d) Gói thầu xây lắp hoặc gói thầu xây lắp có kết hợp mua sắm hàng hoá có giá từ 1 tỷ đồng trở lên tổ chức đấu thầu theo Luật Đấu thầu và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

e) Gói thầu xây lắp có giá gói thầu dưới 1 tỷ đồng thực hiện theo hình thức sau:

- Gói thầu xây lắp có giá từ 300 triệu đồng trở xuống thuộc dự án đầu tư phát triển thực hiện theo hình thức đấu thầu có sự tham gia của cộng đồng. Chủ đầu tư thông báo cho dân biết để cộng đồng đăng ký tham gia thực hiện. Trường hợp có nhiều nhóm cộng đồng cùng đăng ký tham gia thì chủ đầu tư tổ chức họp các nhóm đã đăng ký để công khai lựa chọn, dựa vào các tiêu chí giá cả, tiến độ và chất lượng để phê duyệt kết quả đấu thầu; nếu hết thời gian thông báo (do chủ đầu tư quy định) chỉ có 1 nhóm cộng đồng tham gia thì chủ đầu tư giao cho nhóm đó thực hiện. Trường hợp không có nhóm cộng đồng tham gia thì chủ đầu tư lựa chọn một nhà thầu phù hợp để đàm phán, ký hợp đồng thực hiện;

- Gói thầu xây lắp hoặc gói thầu xây lắp có kết hợp mua sắm hàng hoá (trạm bơm có cả thiết bị, trạm biến áp điện ...) có giá từ trên 300 triệu đồng đến dưới 1 tỷ đồng tổ chức đấu thầu trên cơ sở lựa chọn năng lực và giá dự thầu của ít nhất 3 nhà thầu tham gia. Trường hợp hết thời hạn thông báo không có đủ 3 nhà thầu tham gia gói thầu thì chủ đầu tư trình UBND huyện xem xét quyết định.

Quy trình thực hiện đấu thầu như sau:

+ Thông báo công khai về việc tổ chức đấu thầu, địa điểm, thời gian phát hành hồ sơ yêu cầu;

+ Lập hồ sơ yêu cầu và phát hành hồ sơ yêu cầu;

+ Lập hồ sơ đề xuất;

+ Đánh giá, xem xét hồ sơ đề xuất;

+ Trình duyệt, thẩm định và phê duyệt kết quả chọn nhà thầu;

+ Thương thảo, hoàn thiện và ký kết hợp đồng.

g) Các trường hợp sau đây được phép chỉ định thầu:

- Gói thầu thực hiện cấp bách để khắc phục hậu quả thiên tai, bão lũ;

- Gói thầu đã tổ chức đấu thầu nhưng chỉ có một nhà thầu tham gia;

- Gói thầu thực hiện theo hình thức khoán gọn theo đơn vị sản phẩm (triệu đồng/km; triệu đồng/m²...) nhằm huy động sức lao động của dân, do dân tự tổ chức thực hiện, ngân sách nhà nước hỗ trợ dưới 70% số vốn đầu tư trong báo cáo kinh tế kỹ thuật đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

h) Công trình do nhân dân trong xã tự làm được tạm ứng tối thiểu 50% giá trị hợp đồng nhưng không vượt kế hoạch vốn hàng năm của công trình; công trình do các doanh nghiệp thi công hình thức đấu thầu và chỉ định thầu được tạm ứng tối thiểu 30% giá trị hợp đồng nhưng không vượt kế hoạch vốn hàng năm của công trình.

i) Quy định cụ thể về quy trình, hình thức chọn nhà thầu, đấu thầu và hợp đồng xây dựng thực hiện theo Sổ tay hướng dẫn công tác đấu thầu dịch vụ, mua sắm, xây lắp Chương trình 135 giai đoạn II do Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ủy ban Dân tộc phối hợp ban hành.

2. Chủ tịch UBND huyện phê duyệt hoặc ủy quyền phê duyệt kết quả đấu thầu các gói thầu (trừ gói thầu xây lắp có giá dưới 300 triệu đồng do chủ đầu tư phê duyệt) theo đề nghị của chủ đầu tư. Chủ đầu tư phê duyệt kết quả chỉ định thầu và các gói thầu được ủy quyền.

3. Giám sát hoạt động xây dựng

a) Tổ chức giám sát thi công công trình xây dựng bao gồm: chủ đầu tư, tư vấn giám sát, giám sát tác giả và ban giám sát xã. Chủ đầu tư lựa chọn đơn vị tư vấn có đủ năng lực giám sát thi công. Trường hợp không có tổ tư vấn giám sát thi công theo quy định, tùy theo điều kiện cụ thể, chủ đầu tư tổ chức thực hiện giám sát thi công và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

b) Giám sát của chủ đầu tư thực hiện theo điều 21 của Nghị định 209/2004/NĐ-CP ngày 16/1/2004.

4. Nghiệm thu, bàn giao, quản lý khai thác công trình

a) Nghiệm thu công trình: chủ đầu tư tổ chức nghiệm thu công trình hoàn thành; thành phần nghiệm thu gồm:

- Đại diện Ban Quản lý dự án;

- Đại diện các đơn vị: tư vấn thiết kế, tổ chức thi công xây dựng, tư vấn giám sát;

- Đại diện giám sát của chủ đầu tư, đại diện Ban giám sát của xã và đại diện tổ chức, cá nhân quản lý sử dụng công trình.

Tùy trường hợp cụ thể, chủ đầu tư mời thêm thành phần có liên quan tham gia nghiệm thu.

b) Bàn giao quản lý, khai thác công trình

- Sau khi nghiệm thu, chủ đầu tư phải bàn giao công trình bao gồm: toàn bộ hồ sơ, tài liệu có liên quan và quy trình hướng dẫn sử dụng, vận hành, bảo trì công trình (theo hướng dẫn của Sở Xây dựng) cho UBND xã để giao cho thôn bản, đơn vị, cá nhân có trách nhiệm quản lý sử dụng.

- Duy tu, bảo dưỡng:

+ Những công trình hạ tầng nằm trên địa bàn xã có tính chất sử dụng cho khu vực liên xã, không do UBND xã quản lý (phòng khám khu vực, đường giao thông liên xã...) thì việc duy tu bảo dưỡng do các đơn vị được giao quản lý thực hiện từ nguồn kinh phí duy tu bảo dưỡng hàng năm;

+ Những công trình và hạng mục công trình phục vụ kinh doanh dịch vụ hoặc phục vụ lợi ích cho hộ và nhóm hộ do người sử dụng quản lý, tự duy tu bảo dưỡng;

+ Những công trình hạ tầng phục vụ lợi ích chung trong phạm vi xã, thôn bản (kể cả những công trình hạ tầng được đầu tư bằng các nguồn vốn không thuộc Chương trình 135) do cấp có thẩm quyền giao cho UBND xã quản lý được sử dụng vốn hỗ trợ từ ngân sách Trung ương của Chương trình 135, ngân sách địa phương và các nguồn huy động khác để duy tu bảo dưỡng.

Hàng năm, UBND xã lập kế hoạch duy tu bảo dưỡng các công trình do xã quản lý, sử dụng trình UBND huyện phê duyệt; vốn duy tu bảo dưỡng được giao thành một khoản riêng trong ngân sách của xã hàng năm.

UBND xã là chủ đầu tư nguồn vốn duy tu bảo dưỡng của xã, trên cơ sở vốn được phân bổ, giao cho Ban quản lý dự án xã (nếu có) hoặc thôn bản có công trình duy tu bảo dưỡng lập dự toán chi tiết gồm: vốn hỗ trợ của ngân sách nhà nước, vốn huy động, vật tư, lao động huy động trong cộng đồng trình chủ đầu tư phê duyệt. Giá cả vật tư, lao động theo mặt bằng giá tại khu vực xã do chủ đầu tư quyết định. Tùy theo tính chất công việc, trưởng thôn bản tổ chức nhân dân trong thôn bản tự duy tu hoặc thành lập tổ, nhóm duy tu thực hiện. Chủ đầu tư ký hợp đồng và tổ chức nghiệm thu, thanh toán với đại diện tổ nhóm thực hiện có xác nhận của trưởng thôn bản;

+ Trên cơ sở các quy định hiện hành về quản lý đầu tư xây dựng cơ bản của Nhà nước ban hành và quy định này, UBND tỉnh giao cho Sở Xây dựng hướng dẫn cụ thể đối với công tác duy tu bảo dưỡng trên địa bàn.

Mục 3

DỰ ÁN ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG NÂNG CAO NĂNG LỰC CÁN BỘ XÃ, THÔN BẢN VÀ CỘNG ĐỒNG

Điều 12. Đối tượng được đào tạo, bồi dưỡng:

1. Cán bộ chuyên trách, công chức cấp xã; cán bộ không chuyên trách cấp xã và cấp thôn bản theo quy định tại Nghị định số 121/2003/NĐ-CP ngày 21/10/2003 của Chính phủ về chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có);

2. Cán bộ được cấp trên tăng cường về giúp xã;

3. Các thành viên trong Ban Quản lý và Ban Giám sát xã;

4. Người có uy tín trong cộng đồng của thôn bản;

5. Hộ nghèo và các hộ có kinh nghiệm, có vai trò tích cực trong công tác xóa đói giảm nghèo, phát triển nông thôn của xã và thôn bản;

6. Cán bộ nguồn trong diện quy hoạch của xã;

7. Cộng tác viên trợ giúp pháp lý cấp xã, thành viên câu lạc bộ trợ giúp pháp lý ở xã;

8. Thanh niên người dân tộc thiểu số trong độ tuổi từ 16 - 25.

Trong các đối tượng trên ưu tiên cán bộ là người dân tộc thiểu số và phụ nữ.

Điều 13. Nội dung đào tạo, bồi dưỡng:

1. Các chính sách phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc và miền núi; kiến thức khoa học kỹ thuật, nâng cao nhận thức và vận dụng vào phát triển kinh tế hộ gia đình;

2. Cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện Chương trình 135: kiến thức về quản lý dự án đầu tư; giám sát đánh giá, báo cáo tổng hợp, ứng dụng công nghệ tin học trong quản lý đầu tư, thanh quyết toán vốn của các dự án và chính sách thuộc chương trình 135 giai đoạn II;

3. Quy chế dân chủ ở cơ sở và sự tham gia của cộng đồng trong việc tham gia thực hiện chương trình: tổ chức họp dân, tổng hợp ý kiến, lập kế hoạch, giám sát đầu tư...

4. Hỗ trợ dạy nghề cho đồng bào người dân tộc thiểu số (thực hiện lồng ghép với thực hiện Quyết định số: 81/2005/QĐ-TTg ngày 18/4/2005 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ dạy nghề ngắn hạn cho lao động nông thôn, chỉ áp dụng đối với thanh niên trong độ tuổi từ 16 - 25).

5. Kiến thức pháp luật có liên quan.

Điều 14. Tài liệu đào tạo, bồi dưỡng.

Ngoài tài liệu đào tạo, bồi dưỡng do các bộ, ngành trung ương biên soạn; tài liệu đặc thù của địa phương do Ban Dân tộc chủ trì, phối hợp với các ngành biên soạn, sử dụng thống nhất tại địa phương.

Điều 15. Hình thức, thời gian đào tạo, bồi dưỡng.

Hình thức đào tạo, bồi dưỡng: tập trung ngắn hạn tại các cơ sở đào tạo của xã hoặc huyện, tỉnh; tổ chức tại bản hoặc liên thôn bản; hội nghị đầu bờ, tham quan học tập kinh nghiệm;

- Thời gian đào tạo, bồi dưỡng:

+ Đối với cán bộ xã, thôn bản: thời gian đào tạo, bồi dưỡng cho một lớp từ 3 - 4 ngày, tối đa không quá 7 ngày;

+ Đối với cộng đồng: thời gian đào tạo, bồi dưỡng cho một lớp từ 2 - 3 ngày, tối đa không quá 5 ngày.

Nếu xét thấy cần thiết có thể đào tạo, bồi dưỡng nhắc lại sau 3 - 6 tháng, nhưng phải lựa chọn những nội dung thiết thực;

- Tổ chức tham quan học tập kinh nghiệm sản xuất trong và ngoài địa phương: lựa chọn những mô hình điển hình, phù hợp có thể áp dụng vào thực tế ở địa phương.

Kinh phí đi tham quan, học tập tối đa không quá 5% kinh phí kế hoạch vốn dự án hàng năm.

Điều 16. Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng.

1. Căn cứ vào các vấn đề ưu tiên trong quá trình triển khai thực hiện chương trình trong giai đoạn, căn cứ nội dung và đối tượng đào tạo, bồi dưỡng, UBND xã thống kê, phân loại trình độ, năng lực chuyên môn, lựa chọn những đối tượng và nguyện vọng đào tạo, bồi dưỡng tổng hợp báo cáo UBND huyện;

2. UBND huyện phân loại đối tượng, tổng hợp nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng, nhu cầu vốn, lập kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng hàng năm và phải thống nhất với Ban Dân tộc trước khi phê duyệt để triển khai thực hiện.

3. Căn cứ kế hoạch vốn thực hiện dự án được giao, Ban Dân tộc chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan xây dựng kế hoạch phân bổ vốn; gửi sở Kế hoạch và Đầu tư, sở Tài chính tổng hợp thành mục riêng trong kế hoạch hàng năm và báo cáo UBND tỉnh.

- UBND huyện trực tiếp quản lý tổ chức thực hiện phần kinh phí đào tạo thuộc kế hoạch vốn do UBND huyện được giao;

- Ban Dân tộc và các sở, ban, ngành liên quan thực hiện phần kinh phí được giao theo kế hoạch.

4. Kinh phí thực hiện dự án bố trí từ nguồn kinh phí sự nghiệp của ngân sách nhà nước. Việc sử dụng kinh phí đào tạo, bồi dưỡng của dự án thực hiện như sau:

- Chi in ấn các loại tài liệu đào tạo thực hiện theo quy định hiện hành;

- Chi biên soạn chương trình, giáo trình: mức chi áp dụng theo quy định tại Thông tư số 87/2001/TT-BTC ngày 30/10/2001 của Bộ Tài chính;

- Chi trả thù lao cho giảng viên: thực hiện theo mức quy định tại Thông tư số: 51/2008/TT-BTC ngày 16/6/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý, sử dụng kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức nhà nước hiện hành;

- Chi hỗ trợ tiền ăn, ngủ, đi lại, văn phòng phẩm, nước uống và các khoản chi khác cho học viên, đại biểu trong thời gian đào tạo theo Quyết định số: 09/2007/QĐ-UBND ngày 01/8/2007 của UBND tỉnh Điện Biên về việc ban hành quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức các cuộc hội nghị đối với các cơ quan hành chính sự nghiệp và đơn vị sự nghiệp công lập; Quyết định số 12/2008/QĐ-UBND ngày 29/7/2008 của UBND tỉnh Điện Biên về việc sửa đổi, bổ sung chế độ công tác phí, chế độ tổ chức các cuộc hội nghị và chế độ chi tiếp khách trong nước đối với các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập;

- Riêng đối với đối tượng là cán bộ công chức cấp xã, cán bộ chuyên trách và không chuyên trách cấp xã, cán bộ không chuyên trách ở thôn bản theo Nghị định số 121/2003/NĐ-CP ngày 21/10/2003 của Chính phủ về chế độ, chính sách đối với cán bộ công chức ở xã, phường, thị trấn ở các xã ĐBKK, xã khu vực II có thôn bản ĐBKK, thôn bản ĐBKK ở xã khu vực II và người không hưởng lương khi được tham gia học tập bồi dưỡng thuộc diện đầu tư chương trình thì được cấp toàn bộ chi phí học tập, ăn ở, đi lại theo mức chi quy định tại Quyết định số 09/2007/QĐ-UBND ngày 01/8/2007, Quyết định số 12/2008/QĐ-UBND ngày 29/7/2008 của UBND tỉnh Điện Biên;

- Đối với thanh niên người dân tộc thiểu số tuổi từ 16 - 25 được cấp có thẩm quyền cử đi học nghề thì ngoài chế độ theo quy định tại Quyết định số 81/2005/QĐ-TTg ngày 18/4/2005 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ dạy nghề ngắn hạn cho lao động nông thôn còn được hỗ trợ thêm:

+ Tiền ăn trong thời gian học nghề tối đa 10.000 đồng/người/ngày;

+ Tiền đi lại: người học nghề xa nơi cư trú từ 15 km trở lên được hỗ trợ tiền đi lại theo giá vé phương tiện giao thông công cộng, nhưng tối đa không quá 200.000 đồng/người/khoá học;

+ Chi phí quản lý lớp học tối đa không quá 5% giá trị dự toán.

(Ngoài các khoản chi của trung ương, tỉnh không bố trí thêm).

Mục 4**CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ CÁC DỊCH VỤ, CẢI THIẾN VÀ NÂNG CAO ĐỜI SỐNG NHÂN DÂN, TRỢ GIÚP PHÁP LÝ ĐỂ NÂNG CAO NHẬN THỨC PHÁP LUẬT**

Điều 17. Chính sách Hỗ trợ các dịch vụ, cải thiện và nâng cao đời sống nhân dân, trợ giúp pháp lý để nâng cao nhận thức pháp luật thực hiện theo Quyết định số 112/2007/QĐ-TTg ngày 19/7/2007 của Thủ tướng Chính phủ và Thông tư hướng dẫn số 06/2007/TT-UBND ngày 20/9/2007 của Ủy ban Dân tộc về việc hướng dẫn thực hiện Chính sách Hỗ trợ các dịch vụ, cải thiện và nâng cao đời sống nhân dân, trợ giúp pháp lý để nâng cao nhận thức pháp luật và các văn bản hướng dẫn của Ủy ban nhân dân tỉnh.

**Chương III
TỔ CHỨC QUẢN LÝ DỰ ÁN****Điều 18. Chủ đầu tư**

Công trình, dự án đầu tư có tính liên hoàn, sử dụng trên phạm vi liên xã do UBND huyện làm chủ đầu tư; công trình, dự án do một xã quản lý sử dụng, UBND huyện thông qua thường trực Hội đồng nhân dân huyện giao cho UBND xã làm chủ đầu tư.

Trường hợp xã có khó khăn trong việc làm chủ đầu tư, UBND huyện có trách nhiệm cử cán bộ giúp xã để xã có đủ điều kiện làm chủ đầu tư.

Trường hợp xã chưa đủ điều kiện làm chủ đầu tư, UBND huyện giao cho đơn vị chức năng phù hợp của huyện làm chủ đầu tư. UBND xã cử người tham gia cùng với chủ đầu tư để quản lý dự án và tổ chức tiếp nhận công trình đưa vào khai thác sử dụng. Căn cứ điều kiện cụ thể của từng xã, UBND huyện có thể giao cho các xã làm chủ đầu tư các công trình có quy mô phù hợp.

Điều 19. Ban quản lý dự án

1. Chủ đầu tư có thể quyết định thuê cá nhân, tổ chức tư vấn hoặc thành lập Ban quản lý dự án để giúp chủ đầu tư quản lý điều hành dự án.

2. Trường hợp chủ đầu tư thuê cá nhân, tổ chức tư vấn quản lý điều hành dự án thì cá nhân, tổ chức tư vấn phải có đủ điều kiện, năng lực quản lý phù hợp với quy mô, tính chất của dự án. Trách nhiệm và quyền hạn của tư vấn quản lý dự án thực hiện theo hợp đồng thỏa thuận giữa hai bên. Khi áp dụng hình thức thuê tư vấn quản lý dự án, chủ đầu tư vẫn phải sử dụng các đơn vị chuyên môn thuộc bộ máy quản lý của mình hoặc chỉ định một đầu mối để kiểm tra, theo dõi việc thực hiện hợp đồng tư vấn quản lý dự án.

3. Trường hợp chủ đầu tư thành lập Ban quản lý dự án thì nhiệm vụ, quyền hạn của Ban quản lý dự án do chủ đầu tư giao hoặc uỷ quyền cho Ban quản lý dự án thực hiện một phần hoặc toàn bộ các nhiệm vụ, quyền hạn của chủ đầu tư. Việc thành lập Ban quản lý dự án thực hiện như sau:

- Cấp xã là chủ đầu tư: sử dụng Ban quản lý dự án chung của xã để thực hiện, Ban quản lý dự án của xã có tư cách pháp nhân, được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước huyện và sử dụng con dấu của xã để giao dịch. Nếu xã chưa có Ban quản lý dự

án thì thành lập Ban quản lý dự án. Thành phần Ban quản lý dự án gồm Trưởng ban và các thành viên: kế toán, cán bộ UBND xã, cán bộ hợp đồng có chuyên môn, thành viên khác theo nhiệm kỳ (trưởng hoặc phó thôn bản) có công trình, dự án đầu tư tại thôn bản và những người dân có uy tín trong cộng đồng;

- Cấp huyện là chủ đầu tư: UBND huyện thành lập Ban quản lý dự án hoặc giao cho Ban quản lý dự án đã có thực hiện. Chủ tịch hoặc Phó chủ tịch UBND huyện không kiêm nhiệm Trưởng ban quản lý dự án. Ban quản lý dự án huyện được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước huyện và có con dấu riêng.

Điều 20. Nhiệm vụ, quyền hạn của chủ đầu tư và Ban quản lý dự án trong trường hợp chủ đầu tư thành lập Ban quản lý dự án:

1. Nhiệm vụ, quyền hạn của chủ đầu tư:

- Tổ chức lập, thẩm định và trình cấp quyết định đầu tư phê duyệt báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình, kế hoạch đầu thầu;

- Lập hồ sơ yêu cầu, hồ sơ mời dự thầu (nếu có), thông báo công khai về đấu thầu và tổ chức lựa chọn nhà thầu;

- Phê duyệt kết quả chỉ định thầu và trình phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;

- Ký kết hợp đồng với các nhà thầu;

- Thanh toán cho nhà thầu theo tiến độ hợp đồng hoặc theo biên bản nghiệm thu;

- Nghiệm thu để đưa công trình xây dựng vào khai thác, sử dụng.

- Lập báo cáo thực hiện vốn đầu tư hàng năm, báo cáo quyết toán khi dự án hoàn thành đưa vào khai thác, sử dụng trình UBND huyện phê duyệt.

Tuỳ theo điều kiện cụ thể của dự án, chủ đầu tư có thể uỷ quyền cho Ban quản lý dự án thực hiện một phần hoặc toàn bộ các nhiệm vụ, quyền hạn của mình.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ban quản lý dự án

- Thực hiện các thủ tục về giao nhận đất, chuẩn bị mặt bằng xây dựng và các công việc khác phục vụ cho việc xây dựng công trình;

- Chuẩn bị hồ sơ báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình, kế hoạch đầu thầu để cấp quyết định đầu tư tổ chức thẩm định, phê duyệt theo quy định;

- Lập hồ sơ yêu cầu, hồ sơ mời dự thầu (nếu có), thông báo công khai về đấu thầu và tổ chức lựa chọn nhà thầu;

- Đàm phán, ký kết hợp đồng với các nhà thầu theo uỷ quyền của chủ đầu tư;

- Thực hiện nhiệm vụ giám sát thi công xây dựng công trình khi có đủ điều kiện năng lực;

- Nghiệm thu, thanh toán, quyết toán theo hợp đồng ký kết;

- Quản lý chất lượng, khối lượng, tiến độ, chi phí xây dựng, an toàn và vệ sinh môi trường của công trình xây dựng;

- Nghiệm thu, bàn giao công trình;

- Lập báo cáo thực hiện vốn đầu tư hàng năm, báo cáo quyết toán khi dự án hoàn thành đưa vào khai thác, sử dụng;

- Ban quản lý dự án được đồng thời quản lý nhiều dự án khi được chủ đầu tư cho phép.

Điều 21. Nhiệm vụ của chủ đầu tư và tổ chức tư vấn quản lý dự án trong trường hợp chủ đầu tư thuê tư vấn quản lý dự án

1. Trách nhiệm của chủ đầu tư

- Lựa chọn và ký hợp đồng với tổ chức tư vấn quản lý dự án đủ điều kiện năng lực phù hợp với dự án;
- Thanh toán cho nhà thầu theo yêu cầu của tư vấn quản lý dự án;
- Tạo mọi điều kiện cho hoạt động của tổ chức tư vấn quản lý dự án;
- Chịu trách nhiệm trước pháp luật và bồi thường thiệt hại khi thông đồng với tổ chức tư vấn quản lý dự án hoặc nhà thầu làm thất thoát vốn đầu tư.

2. Nhiệm vụ của tổ chức tư vấn quản lý dự án

- Lập hồ sơ yêu cầu, hồ sơ mời thầu (nếu có), tư vấn lựa chọn nhà thầu;
- Thực hiện nhiệm vụ giám sát thi công xây dựng công trình nếu đủ điều kiện năng lực;
- Nghiệm thu, thanh toán, quyết toán các hợp đồng do chủ đầu tư đã ký kết, tư vấn quản lý dự án phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước chủ đầu tư và pháp luật về tính chính xác, hợp lý của giá trị thanh toán;
- Quản lý chất lượng, khối lượng, tiến độ, chi phí xây dựng, an toàn và vệ sinh môi trường của dự án;
- Nghiệm thu, bàn giao công trình;
- Lập báo cáo thực hiện vốn đầu tư hàng năm, báo cáo quyết toán khi dự án hoàn thành đưa vào khai thác, sử dụng.

Tuỳ điều kiện của dự án, chủ đầu tư có thể giao các nhiệm vụ khác cho tư vấn quản lý dự án và phải được ghi cụ thể trong hợp đồng.

- Tổ chức tư vấn quản lý dự án phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và chủ đầu tư về các nội dung đã cam kết trong hợp đồng. Phải bồi thường thiệt hại do lỗi của mình gây ra trong quá trình quản lý dự án. Tư vấn quản lý dự án phải chịu trách nhiệm về các hoạt động quản lý dự án tại công trường xây dựng.

Điều 22. Ban giám sát xã

Các xã (kể cả các xã khu vực II có thôn bản ĐBKK thuộc Chương trình 135 giai đoạn II) thành lập Ban giám sát xã để giám sát việc thực hiện các chính sách đầu tư, hỗ trợ của Chương trình 135 trên địa bàn. Ban giám sát xã do Chủ tịch UBND xã quyết định thành lập theo đề nghị của Mặt trận Tổ quốc xã. Thành phần Ban giám sát xã bao gồm: đại diện Hội đồng nhân dân xã, đại diện của Mặt trận Tổ quốc, Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh, Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Phụ nữ và những người có uy tín trong cộng đồng, có năng lực, kinh nghiệm hoạt động giám sát. Những xã khu vực II có thôn bản ĐBKK thì Ban giám sát xã phải có ít nhất 2 đại diện của thôn bản ĐBKK do dân bầu ra tham gia.

1. Ban Giám sát của xã có nhiệm vụ giám sát xây dựng công trình, dự án thực hiện trên địa bàn xã từ giai đoạn lập kế hoạch, khảo sát xây dựng đến thi công, nghiệm thu, bàn giao đưa công trình vào khai thác sử dụng và thanh quyết toán công trình.

2. Trong quá trình thi công công trình, Ban giám sát xã phối hợp với giám sát của chủ đầu tư (giám sát của Ban quản lý dự án, tư vấn giám sát), giám sát tác giả có nhiệm vụ giám sát chất lượng, khối lượng, giá vật liệu, tiến độ thi công, là thành viên nghiệm thu công trình ở từng giai đoạn.

Chương IV **SỬ DỤNG NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ**

Điều 23. Nguồn vốn đầu tư.

Chương trình 135 giai đoạn II được đầu tư bằng nhiều nguồn vốn.

1. Ngân sách Trung ương (bao gồm cả vốn vay và vốn viện trợ ngoài nước) đầu tư trực tiếp cho Chương trình 135 giai đoạn II.

2. Ngân sách địa phương đầu tư trực tiếp cho Chương trình 135 giai đoạn II.

3. Nguồn vốn huy động hợp pháp tại địa phương; nguồn hỗ trợ của các ngành, đơn vị kinh tế, các tổ chức xã hội và các địa phương khác đóng góp bằng tiền, vật tư, lao động; nguồn lực huy động tại chỗ của dân, chủ yếu là vật tư, lao động, không huy động bằng tiền mặt đối với hộ nghèo.

Điều 24. Phân bổ nguồn vốn các dự án, chính sách

Việc lập dự toán, phân bổ, quản lý vốn ngân sách thực hiện theo Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

Điều 25. Sử dụng nguồn vốn đầu tư.

1. Tất cả các nguồn vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước cho Chương trình 135 đều phải được quản lý và thanh toán tập trung, thống nhất qua Kho bạc Nhà nước. Các nguồn đóng góp bằng tiền mặt của dân, vật tư, tài trợ bằng hiện vật, lao động hoặc công trình hoàn thành, căn cứ đơn giá hiện vật và giá trị ngày công lao động, cơ quan tài chính quy đổi ra đồng Việt Nam để làm lệnh thu ngân sách, đồng thời làm lệnh chi gửi Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch để hạch toán vào giá trị công trình và tổng hợp vào thu, chi ngân sách nhà nước.

2. Nguồn vốn ngân sách Trung ương chỉ được sử dụng chi hỗ trợ cho các dự án, chính sách theo các nội dung quy định tại Chương II của quy định này.

3. Đối với vật liệu xây dựng, giống cây trồng, vật nuôi và những hàng hoá khác mua của dân để sử dụng vào các dự án của Chương trình 135 thì giá cả phải phù hợp mặt bằng chung giá cả trên địa bàn cùng thời điểm; chứng từ để thanh toán là giấy biên nhận mua bán với các hộ dân, có xác nhận của trưởng thôn bản nơi bán, được UBND xã xác nhận.

4. Những địa phương có công trình, dự án đã triển khai thực hiện theo các hướng dẫn của Chương trình 135 giai đoạn 1999 - 2005 trước khi có hướng dẫn tại quy định này được sử dụng vốn của Chương trình 135 giai đoạn II từ nguồn vốn trung ương giao theo kế hoạch hàng năm để bố trí tiếp cho các công trình hoàn thành đã quyết toán, hoàn thành chưa quyết toán và thi công dở dang trên địa bàn các xã tiếp tục thực hiện Chương trình 135 giai đoạn II.

5. Kinh phí hoạt động của Ban chỉ đạo Chương trình 135 giai đoạn II các cấp được sử dụng kinh phí của Chương trình để hỗ trợ chi cho hoạt động của Ban chỉ đạo, gồm có: hoạt động kiểm tra giám sát; làm thêm giờ; tổ chức họp triển khai, sơ kết, tổng kết thực hiện chương trình; công tác phí cho cán bộ đi dự các hội nghị, tập huấn của tỉnh, huyện và trung ương; thiết bị văn phòng cho các hoạt động của Ban chỉ đạo. Mức hỗ trợ hàng năm không quá 0,5% tổng kinh phí ngân sách trung ương hỗ trợ cho Chương trình.

6. Hình thức quản lý các nguồn vốn của các dự án thành phần của Chương trình 135 giai đoạn II theo 2 hình thức:

a) Hình thức quản lý vốn đầu tư:

Áp dụng đối với dự án Phát triển cơ sở hạ tầng thiết yếu; thực hiện theo Nghị định số: 209/2004/NĐ-CP ngày 16/12/2004, Nghị định số: 49/2008/NĐ-CP ngày 18/4/2008 của Chính phủ về quản lý chất lượng công trình; Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình; Nghị định số: 99/2007/NĐ-CP ngày 13/6/2007, Nghị định số 03/2008/NĐ-CP ngày 07/01/2008 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình và các văn bản sửa đổi (nếu có).

b) Hình thức quản lý vốn sự nghiệp:

Được bố trí theo dự toán chi hàng năm như chi thường xuyên đối với các nội dung còn lại của chương trình như: dự án Hỗ trợ phát triển sản xuất; dự án đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực cán bộ xã, thôn bản và cộng đồng; chi phí quản lý Ban chỉ đạo các cấp; duy tu, bảo dưỡng các công trình sau đầu tư; thực hiện chính sách theo Quyết định số: 112/2007/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

7. Căn cứ các quyết định phân bổ vốn của Chương trình đã được UBND tỉnh phê duyệt theo từng địa bàn huyện, trên cơ sở nguồn vốn Bộ Tài chính chuyển hàng tháng, báo cáo kết quả thực hiện quý trước về số vốn đã chuyển tháng trước đó, Sở Tài chính cấp có mục tiêu cho ngân sách huyện qua phòng Tài chính - kế hoạch.

Hàng quý, trước ngày 25 tháng cuối quý trước, căn cứ vào dự toán được giao, tình hình thanh toán vốn đầu tư thực tế và nhu cầu thanh toán của các dự án, Kho bạc Nhà nước lập kế hoạch thanh toán vốn đầu tư quý gửi cơ quan tài chính cùng cấp làm cơ sở lập kế hoạch điều hành ngân sách quý.

Căn cứ hình thức quản lý vốn đối với các nội dung công việc cụ thể, Kho bạc Nhà nước huyện, thị xã, thành phố thực hiện kiểm soát, thanh toán vốn theo các quy định ứng với từng hình thức quản lý vốn. Đối với các khoản chi vốn sự nghiệp, Kho bạc Nhà nước huyện, thị xã, thành phố thực hiện cấp phát thanh toán theo dự toán như đối với các khoản chi thường xuyên; đối với các dự án đầu tư, Kho bạc Nhà nước huyện, thị xã, thành phố thực hiện kiểm soát, thanh toán theo cơ chế quản lý vốn đầu tư hiện hành.

8. Nguồn kinh phí chương trình do các huyện cấp phát và được quyết toán vào ngân sách các huyện theo chương, loại, khoản, mục, tiểu mục của mục lục ngân sách quy định hiện hành.

Dự án do UBND các huyện quyết định đầu tư thì việc quyết toán vốn đầu tư khi dự án kết thúc đầu tư bàn giao đưa vào sử dụng do UBND các huyện thẩm tra và phê duyệt quyết toán vốn đầu tư.

a) Quyết toán vốn đầu tư hàng năm:

Báo cáo quyết toán vốn đầu tư hàng năm của Chương trình được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 59/2003/TT-BTC ngày 23/6/2003 của Bộ Tài chính; Quyết định số 130/2003/QĐ-BTC ngày 18/8/2003; Quyết định số 24/2006/QĐ-BTC ngày 06/4/2006 của Bộ Tài chính về chế độ kế toán ngân sách Nhà nước và hoạt động nghiệp vụ Kho bạc Nhà nước; Thông tư số 10/2004/TT-BTC ngày 19/02/2004 của Bộ Tài chính hướng dẫn xét duyệt, thẩm định và thông báo quyết toán năm đối với

các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp và ngân sách các cấp; Thông tư số 53/2005/TT-BTC ngày 23/6/2005 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập, thẩm định quyết toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản thuộc nguồn vốn ngân sách Nhà nước theo niên độ ngân sách hàng năm; Thông tư số 101/2005/TT-BTC ngày 17/11/2005 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn công tác khóa sổ kế toán cuối năm và lập, báo cáo quyết toán ngân sách nhà nước hàng năm và các văn bản sửa đổi (nếu có).

b) Quyết toán vốn dự án, công trình hoàn thành:

Thực hiện đối với dự án Phát triển cơ sở hạ tầng thiết yếu, dự án Hỗ trợ sản xuất có tính chất đầu tư (mua sắm trang thiết bị, máy móc, công cụ sản xuất và chế biến) khi kết thúc xây dựng, hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng đều phải thực hiện quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành theo quy định tại Thông tư số 33/2007/TT-BTC ngày 09/4/2007 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn nhà nước; Quyết định số 56/2008/QĐ-BTC ngày 17/7/2008 của Bộ Tài chính về quy trình thẩm tra quyết toán dự án hoàn thành đối với các dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước và các văn bản sửa đổi (nếu có).

Kết thúc xây dựng, hoàn thành bàn giao công trình, chủ đầu tư lập báo cáo quyết toán vốn đầu tư gửi cơ quan tài chính cùng cấp chủ trì (phòng Tài chính - kế hoạch), phối hợp với các cơ quan liên quan thẩm định trình UBND huyện phê duyệt quyết toán và gửi Ban Dân tộc, Sở Tài chính để tổng hợp báo cáo Ban Chỉ đạo Chương trình 135 giai đoạn II của tỉnh và Trung ương.

Chương V

QUY TRÌNH TỔNG HỢP GIAO VÀ BÁO CÁO KẾ HOẠCH

Điều 26. Việc lập và giao kế hoạch hàng năm thực hiện theo quy định của Luật ngân sách và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

- Kế hoạch đầu tư và dự toán chi thực hiện của Chương trình được lập thành một mục riêng trong kế hoạch đầu tư phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước hàng năm của UBND cấp huyện và phải gửi đến Ban Dân tộc, sở Kế hoạch và Đầu tư, sở Tài chính để tổng hợp trình UBND tỉnh;

- Căn cứ kế hoạch và dự toán ngân sách được UBND tỉnh giao, UBND cấp huyện phê duyệt kế hoạch chi tiết từng dự án, chính sách để thực hiện và gửi Ban Dân tộc, sở Kế hoạch và Đầu tư, sở Tài chính, sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, theo dõi, giám sát;

- Nguồn vốn bố trí cho các dự án hàng năm phải đảm bảo các xã được đầu tư, nhưng không nhất thiết phân chia đều, tùy theo mức độ yêu cầu, khả năng chuẩn bị đầu tư và huy động nhân lực thực hiện của từng xã mà bố trí cho hợp lý. Hàng năm ngân sách trung ương hỗ trợ đầu tư không quá 4 thôn bản đặc biệt khó khăn ở xã khu vực II thuộc Chương trình 135 giai đoạn II. Đối với những xã khu vực II có trên 4 thôn bản đặc biệt khó khăn thuộc Chương trình 135 giai đoạn II, giao cho UBND cấp huyện quyết định danh sách các thôn bản được đầu tư hàng năm nhưng phải đảm bảo đến năm 2010 tất cả các thôn bản đặc biệt khó khăn của xã đều được đầu tư.

Điều 27. Về chế độ thông tin báo cáo

UBND các huyện có trách nhiệm tổng hợp báo cáo định kỳ hàng quý, 6 tháng, cả năm gửi về Ban Dân tộc, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Văn phòng UBND tỉnh. Nội dung, biểu mẫu, quy trình báo

cáo và chỉ tiêu giám sát đánh giá thực hiện theo quy định của Quyết định số 04/2008/QĐ-UBDT ngày 08/8/2008 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc về việc ban hành quy định về chế độ và biểu mẫu báo cáo Chương trình 135 giai đoạn II và quy định của cơ quan Thường trực Chương trình 135 giai đoạn II của tỉnh.

Thời gian gửi báo cáo:

- Báo cáo quý: cơ quan Thường trực Chương trình 135 các huyện, thị xã, thành phố gửi báo cáo trước ngày 08, tháng đầu tiên của quý tiếp theo (trừ quý I trùng báo cáo năm);

- Báo cáo năm: cơ quan Thường trực Chương trình 135 các huyện, thị xã, thành phố gửi báo cáo kết quả thực hiện trước ngày 08 tháng 4 năm sau, trong đó bao gồm cả kết quả thực hiện năm trước và kết quả thực hiện của quý I năm sau.

Cơ quan Thường trực Chương trình 135 các huyện, thị xã, thành phố căn cứ quy định thời gian báo cáo của cấp tỉnh và điều kiện cụ thể để quy định thời gian báo cáo (ngày, tháng cụ thể), nơi gửi báo cáo đối với cấp xã cho phù hợp.

Ngoài báo cáo chung, các cơ quan chuyên môn của huyện báo cáo cơ quan cấp trên theo quy định.

Chế độ báo cáo tài chính thực hiện theo quy định tại Thông tư số 86/TT-BTC ngày 18/9/2006 của Bộ Tài chính. Các nội dung của dự án Phát triển cơ sở hạ tầng thiết yếu, dự án Hỗ trợ phát triển sản xuất có tính chất đầu tư thực hiện theo chế độ báo cáo tháng, quý, năm còn thực hiện theo quy định tại Quyết định số 1869/QĐ-BTC ngày 06/6/2005 của Bộ Tài chính về việc ban hành quy chế thông tin báo cáo về vốn đầu tư xây dựng cơ bản thuộc nguồn vốn ngân sách Nhà nước trong nội bộ ngành Tài chính (theo các mẫu biểu số 02A/BC, 02B/BC; 03A/BC; 03B/BC).

Điều 28. Ban Dân tộc tổng hợp báo cáo Thường trực Ban Chỉ đạo Chương trình 135 Trung ương theo định kỳ hàng quý, 6 tháng, cả năm theo quy định của Quyết định số 04/2008/QĐ-UBDT ngày 08/8/2008 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc.

Chương VI **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 29. Căn cứ Quy định này, theo chức năng, nhiệm vụ của từng ngành, hướng dẫn, cụ thể hoá các nội dung cần thiết.

Điều 30. Xử lý những vấn đề chuyển tiếp: đảm bảo khi thực hiện theo hướng dẫn tại Quy định này không làm gián đoạn hoặc chậm tiến độ thực hiện chương trình, cụ thể:

- Dự án Hỗ trợ phát triển sản xuất: dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt trước ngày Quy định này có hiệu lực được thực hiện theo các hướng dẫn phù hợp tại thời điểm phê duyệt;

- Dự án Phát triển cơ sở hạ tầng thiết yếu: những dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt báo cáo kinh tế - kỹ thuật, lựa chọn nhà thầu xây dựng trước ngày Quy định này có hiệu lực được thực hiện theo các hướng dẫn phù hợp tại thời điểm phê duyệt;

- Dự án Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực cán bộ xã, bản và cộng đồng: những lớp đào tạo đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt kế hoạch, dự toán nhưng

chưa thực hiện được bổ sung, điều chỉnh kế hoạch và dự toán (nếu có) theo Quy định này. Những lớp đào tạo đã thực hiện hoặc thực hiện dở dang thực hiện theo hướng dẫn tại thời điểm phê duyệt, hoặc điều chỉnh theo hướng dẫn mới nếu cần thiết;

- Trong quá trình thực hiện, nếu có những văn bản áp dụng thực hiện được trích dẫn cụ thể tại Quy định này được cấp có thẩm quyền quyết định thay thế, sửa đổi, bổ sung thì những văn bản đó được áp dụng theo những nội dung được thay thế, sửa đổi, bổ sung tương ứng của văn bản đó.

Điều 31. Cấp tỉnh:

1. Giúp việc Ủy ban nhân dân tỉnh là Ban Chỉ đạo Chương trình 135 giai đoạn II (Theo Quyết định số 1203/QĐ-UBND ngày 24/10/2006 của UBND tỉnh Điện Biên về việc thành lập Ban Chỉ đạo Chương trình 135 giai đoạn II tỉnh Điện Biên).

2. Chức năng, nhiệm vụ của các thành viên trong Ban Chỉ đạo thực hiện theo quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo Chương trình 135 giai đoạn II.

3. Ban Dân tộc là cơ quan Thường trực Chương trình 135 giai đoạn II của tỉnh có nhiệm vụ:

- Thống nhất với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính để hướng dẫn cấp huyện lập kế hoạch hàng năm;

- Chủ trì tổng hợp kế hoạch vốn thực hiện các dự án và chính sách thuộc Chương trình của toàn tỉnh, gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính để thực hiện lồng ghép các nguồn vốn trên địa bàn;

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tham mưu, đề xuất với UBND tỉnh ban hành hướng dẫn thực hiện Chương trình cho phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh và hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc, theo dõi, giám sát cấp huyện thực hiện các nội dung thuộc Chương trình 135 giai đoạn II; tổng hợp báo cáo theo quy định; trực tiếp quản lý, chỉ đạo thực hiện các dự án thành phần được UBND tỉnh giao;

- Thực hiện các nhiệm vụ khác do UBND tỉnh phân công.

4. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: trực tiếp quản lý, chỉ đạo thực hiện dự án Hỗ trợ phát triển sản xuất; định kỳ hàng quý, cả năm tổng hợp báo cáo UBND tỉnh, cơ quan thường trực Chương trình 135 giai đoạn II của tỉnh (Ban Dân tộc), Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

5. Sở Giáo dục và Đào tạo: trực tiếp quản lý, chỉ đạo thực hiện chính sách hỗ trợ học sinh con hộ nghèo; chủ trì, phối hợp với Ban Dân tộc, UBND các huyện, thị xã, thành phố chỉ đạo các trường trung học phổ thông, các phòng Giáo dục - Đào tạo xây dựng kế hoạch hàng năm, rà soát đối tượng ngay từ đầu năm học và trong từng quý để thực hiện chính sách; định kỳ hàng quý, cả năm tổng hợp báo cáo UBND tỉnh, cơ quan thường trực Chương trình 135 giai đoạn II của tỉnh (Ban Dân tộc).

6. Sở Y tế: trực tiếp quản lý, chỉ đạo thực hiện chính sách hỗ trợ, hộ nghèo cải thiện vệ sinh môi trường; định kỳ hàng quý, cả năm tổng hợp báo cáo UBND tỉnh, cơ quan thường trực Chương trình 135 của tỉnh (Ban Dân tộc).

7. Sở Văn hoá thể thao và Du lịch: trực tiếp quản lý, chỉ đạo thực hiện chính sách hỗ trợ hoạt động văn hoá, thông tin; định kỳ hàng quý, cả năm tổng hợp báo cáo UBND tỉnh, cơ quan thường trực Chương trình 135 của tỉnh (Ban Dân tộc).

8. Sở Tư pháp: trực tiếp quản lý, chỉ đạo thực hiện chính sách hỗ trợ trợ giúp pháp lý, nâng cao nhận thức pháp luật; định kỳ hàng quý, cả năm tổng hợp báo cáo UBND tỉnh, cơ quan thường trực Chương trình 135 của tỉnh (Ban Dân tộc).

9. Sở Xây dựng: Chủ trì, phối hợp với Ban Dân tộc, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính soạn thảo quy trình hướng dẫn lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng; quản lý, bảo vệ, khai thác sử dụng và bảo trì công trình sau đầu tư.

10. Sở Kế hoạch và Đầu tư: chủ trì, phối hợp với Ban Dân tộc, Sở Tài chính và các đơn vị liên quan tổng hợp, xây dựng kế hoạch phân bổ vốn hàng năm; hướng dẫn trình tự lập, thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư.

11. Sở Tài chính: chủ trì, phối hợp với Ban Dân tộc, Sở Kế hoạch và Đầu tư và các đơn vị liên quan lập dự toán chi thực hiện chương trình; hướng dẫn quản lý tài chính ngân sách và dự án cấp xã đối với dự án thuộc Chương trình 135 giai đoạn II.

12. Kinh phí hoạt động của Ban Chỉ đạo được sử dụng trong nguồn kinh phí của Chương trình. Mức hỗ trợ hàng năm không quá 0,2% tổng kinh phí ngân sách trung ương cấp.

Điều 32. Cấp huyện, thị xã, thành phố:

1. Chủ tịch UBND huyện là người quyết định đầu tư, chịu trách nhiệm tổ chức, điều hành thực hiện quy hoạch và kế hoạch hàng năm đã được UBND tỉnh phê duyệt. Căn cứ Lộ trình thực hiện chương trình 135 giai đoạn II của tỉnh, năng lực, trình độ của đội ngũ cán bộ xã, UBND huyện giao cho UBND các xã làm chủ đầu tư các công trình, dự án phù hợp.

2. Kiện toàn Ban Chỉ đạo Chương trình 135 giai đoạn II cấp huyện, thị xã, thành phố.

a) UBND huyện giao cho một phòng chức năng làm cơ quan Thường trực Chương trình 135 giai đoạn II; có nhiệm vụ: xây dựng kế hoạch hàng năm, thống nhất với phòng Tài chính - Kế hoạch trình UBND huyện quyết định; định kỳ hàng quý, 6 tháng, cả năm tổng hợp báo cáo Ban Chỉ đạo Chương trình 135 cấp huyện, cơ quan Thường trực Chương trình 135 của tỉnh (Ban Dân tộc) theo quy định;

b) Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: tham mưu, quản lý dự án Hỗ trợ phát triển sản xuất; định kỳ hàng quý, 6 tháng, cả năm tổng hợp báo cáo cơ quan Thường trực Chương trình 135 của huyện, thị xã, thành phố, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ban Dân tộc và chịu trách nhiệm về hiệu quả của các dự án đầu tư, hỗ trợ được giao thực hiện.

c) Thành lập Ban Quản lý dự án để triển khai thực hiện dự án Phát triển cơ sở hạ tầng thiết yếu theo quy định;

d) UBND huyện giao cho các phòng chức năng của huyện tổ chức thực hiện, quản lý các nhiệm vụ khác của Chương trình như: đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực cán bộ xã, thôn bản và cộng đồng; chính sách hỗ trợ học sinh con hộ nghèo, hỗ trợ hộ nghèo cải thiện vệ sinh môi trường; hỗ trợ hoạt động văn hoá; hỗ trợ trợ giúp pháp lý.

3. Các phòng: Tài chính - Kế hoạch, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công - Thương giúp chủ đầu tư lập kế hoạch huy động và sử dụng các nguồn lực tại xã trên địa bàn để tham gia thực hiện Chương trình; hướng dẫn các xã thực hiện

quy chế quản lý, sử dụng, duy tu, bảo dưỡng công trình sau đầu tư (do Sở Xây dựng ban hành).

4. Kinh phí hoạt động của Ban Chỉ đạo được sử dụng trong nguồn kinh phí của Chương trình. Mức hỗ trợ hàng năm không quá 0,2% tổng kinh phí ngân sách trung ương cấp.

Điều 33. Cấp xã:

1. Thành lập Ban Chỉ đạo Chương trình 135 giai đoạn II cấp xã, do Chủ tịch UBND xã quyết định.

2. Chủ tịch UBND xã chịu trách nhiệm trực tiếp thực hiện các nhiệm vụ được UBND huyện giao; thực hiện quy chế dân chủ trên địa bàn; kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện các dự án, chính sách đầu tư, hỗ trợ thông qua Ban Giám sát của xã; tổ chức thi công đối với dự án do xã đảm nhận thi công, huy động nhân dân tham gia đóng góp xây dựng công trình, thực hiện phương châm Nhà nước và nhân dân cùng làm.

Khi công trình hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng, Chủ tịch UBND xã có trách nhiệm tiếp nhận bàn giao công trình trên địa bàn và xây dựng quy định hướng dẫn nhân dân quản lý, sử dụng, quyền và nghĩa vụ của người hưởng lợi từ công trình.

3. Kinh phí hoạt động của Ban Chỉ đạo được sử dụng trong nguồn kinh phí của Chương trình. Mức hỗ trợ hàng năm không quá 0,1% tổng kinh phí ngân sách trung ương cấp.

4. Thành lập Ban Giám sát của xã.

Thành viên Ban Giám sát của xã không phải là người đương nhiệm trong Ủy ban nhân dân cấp xã.

Kinh phí hoạt động của Ban Giám sát xã được tính bằng 1% của chi phí xây dựng (chưa có thuế giá trị gia tăng) trong chi phí đầu tư xây dựng công trình được duyệt trên địa bàn xã.

Điều 34. Căn cứ Quy định cụ thể này, Ban Chỉ đạo Chương trình 135 giai đoạn II của tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố và các ngành chức năng có trách nhiệm tổ chức thực hiện.

Điều 35. Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề gì vướng mắc hoặc chưa phù hợp, đề nghị các ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, các chủ đầu tư phản ánh về Ban Dân tộc để tổng hợp, tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung./.